

Đức Phật ra đời: Thắp sáng an lạc, bình đẳng và hòa bình

ISSN: 2734-9195 20:55 23/05/2026

Sự ra đời của đức Phật không chỉ là một câu chuyện lịch sử, mà là món quà vô giá, mang đến ánh sáng an lạc, bình đẳng và hòa bình cho mọi tầng lớp nhân loại, vượt qua mọi ranh giới tôn giáo, văn hóa hay thời gian.

Dẫn nhập

Hơn 2.500 năm trước, vào một đêm trăng Rằm tháng Tư Âm lịch, khoảng năm 563 TCN, tại vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini, nay thuộc Nepal), một hài nhi chào đời trong ánh sáng dịu dàng của thiên nhiên, bước chân nhẹ nhàng trên 7 đóa hoa sen thanh tịnh nở rộ, tượng trưng cho sự giác ngộ vượt lên bùn nhơ của thế gian. Đó là Siddhartha Gautama, người sau này trở thành **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni** bậc giác ngộ vĩ đại, người thắp lên ngọn hải đăng dẫn dắt nhân loại vượt qua biển khổ đau, bất công và vô minh.

Sự kiện này, cùng với ngày Giác ngộ và Nhập niết bàn của đức Phật, được thế giới tôn vinh qua ngày Vesak, ngày lễ quốc tế do Liên Hợp Quốc công nhận từ năm 1999 theo Nghị quyết 54/115[1]. Sự ra đời của đức Phật không chỉ là một câu chuyện lịch sử, mà là món quà vô giá, mang đến ánh sáng an lạc, bình đẳng và hòa bình cho mọi tầng lớp nhân loại, vượt qua mọi ranh giới tôn giáo, văn hóa hay thời gian.

Một đại sự nhân duyên

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được xem là bậc giác ngộ từ vô lượng kiếp. Ngài thị hiện vào cõi Ta-bà này không phải để tìm cầu giác ngộ cho riêng mình, mà vì lòng bi nguyện vô biên, muốn dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi khổ đau sinh tử luân hồi.

Sự ra đời của đức Phật không phải ngẫu nhiên, mà là để mở ra con đường thoát khổ cho tất cả chúng sinh, không phân biệt căn cơ, giai cấp, giới tính.



(Ảnh: Internet)

Trong Kinh dạy: *"Chư Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên, đó là khai thị chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật."*[2] Sự xuất hiện của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là minh chứng, trong bóng tối vô minh vẫn có ánh sáng tỉnh thức, mỗi người đều có thể thắp lên ngọn đèn trí tuệ nơi chính mình. Theo tinh thần Kinh Pháp Hoa: *Tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật*[2].

Hành trình từ hoàng cung đến giác ngộ: Bài học về sự từ bỏ

Thái tử Siddhartha (Tất-Đạt-Đa) lớn lên trong hoàng cung tráng lệ của vương quốc Kapilavastu (Thành Ca-tỳ-la-vệ), nơi cha Ngài - vua Tịnh Phạn (Suddhodana), kỳ vọng con trai sẽ trở thành một vị vua vĩ đại thống trị thiên hạ. Tuy nhiên, số phận đã rẽ lối khi ở tuổi 29[3], Thái tử chứng kiến bốn cảnh tượng thay đổi cả cuộc đời: một ông lão run rẩy, một người bệnh đau đớn, một xác chết lạnh lẽo, và một tu sĩ an nhiên giữa đời thường. Những hình ảnh ấy, được ghi lại trong Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya)[4], không chỉ là sự kiện cá

nhân, mà là tiếng chuông đánh thức nhân loại: cuộc sống không chỉ có vinh hoa, mà còn đầy khổ đau cần được đối diện.

Sự từ bỏ của Thái tử Siddhartha không đơn thuần là rời bỏ cung vàng điện ngọc. Ngài từ biệt vợ: công chúa Yasodhara (Da-du-đà-la)[5], con trai Rahula (La-Hầu-La), và cả danh phận Thái tử, để dấn thân vào con đường tìm kiếm chân lý. Sáu năm tu khổ hạnh trong rừng sâu, thân thể Ngài kiệt quệ đến mức *"xương nổi lên như khung gỗ"*[6], nhưng Ngài nhận ra rằng khổ hạnh cực đoan không phải là con đường đúng, Ngài chọn con đường Trung đạo[7]. Cuối cùng, dưới cội bồ đề tại Bodh Gaya (Bồ-đề Đạo-tràng), sau 49 ngày thiền định, Ngài chiến thắng cám dỗ của Ma vương và đạt giác ngộ vào năm 35 tuổi. Khoảnh khắc ấy không chỉ là chiến thắng của một con người, mà là lời khẳng định rằng ai cũng có thể vượt qua bóng tối nội tâm để tìm thấy ánh sáng.

Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo: Con đường thực tiễn

Sau khi chứng ngộ, đức Phật đã tuyên thuyết bài pháp đầu tiên về Tứ Diệu Đế, bốn sự thật căn bản của kiếp người: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Đức Phật chỉ rõ rằng, khổ đau là một phần tất yếu của đời sống; nguyên nhân của khổ là tham ái và vô minh; có thể đoạn tận khổ đau; và con đường để chấm dứt khổ là Bát Chính Đạo. Con đường tám nhánh ấy từ Chính kiến đến Chính định, chính là phương pháp giúp con người tự mình giải thoát khỏi khổ đau và đạt đến hạnh phúc an lạc bền vững ngay trong đời này. Bát Chính Đạo không phải là con đường huyền bí hay xa vời, mà là lối sống thực tiễn gồm: Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính tinh tấn, Chính niệm và Chính định. Mỗi con đường ấy như một bậc thang dẫn tâm hồn thoát khỏi vô minh, bất an để từng bước đến gần ánh sáng an lạc. *Con đường Phật dạy không cần phép màu, không cần cầu xin đấng thần linh, mà là sự chuyển hóa từ chính nhận thức, lời nói và hành động mỗi ngày.*

Bình đẳng: Ánh đạo vàng xuyên qua bóng tối xã hội

Phá vỡ rào cản giai cấp

Thời đức Phật ra đời, xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ bị chia cắt bởi hệ thống đẳng cấp khắc nghiệt (varna), nơi số phận con người bị định đoạt bởi xuất thân. Nhưng đức Phật đã phá vỡ rào cản ấy. Khi vua Bimbisara (Tần Bà Sa) của vương quốc Magadha (Ma Kiệt Đà) quỳ xin quy y tại tại Rajagaha (Vương Xá)[8], đức Phật đón nhận ông với sự bình thản. Khi Sunita (Tu-ni-đà) người gánh phân bị xã hội khinh rẻ đến cầu xin gia nhập Tăng đoàn, Ngài dịu dàng nói: *"Trong giáo pháp*

của ta, không có giai cấp. Con có thể sống đời thanh tịnh”. Sunita rơi nước mắt, bởi lần đầu tiên trong đời, anh được nhìn nhận như một con người ngang hàng. Câu chuyện này, ghi trong Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikaya)[9], là minh chứng sống động rằng sự ra đời của đức Phật đã gieo hạt giống bình đẳng vào mảnh đất cằn cỗi của bất công. *Phật giáo bình đẳng đến mức không ai bị bỏ rơi.*

Không chỉ đón nhận người thấp hèn, đức Phật còn mở rộng **từ bi** với cả kẻ từng gây tội ác. Angulimala (Vô Não) một sát nhân khét tiếng, đã tìm đến đức Phật với ý định sát hại đức Phật. Nhưng Ngài chỉ nhẹ nhàng: *“Dừng lại, này Angulimala. Ta đã dừng, con cũng hãy dừng”.*[10] Lời ấy thức tỉnh hắn. Angulimala xin xuất gia, trở thành A-la-hán.



(Ảnh: Internet)

Trong Tăng đoàn của đức Phật có rất nhiều vị A-la-hán xuất thân từ đủ mọi tầng lớp: từ vương tộc, thương gia, đến người lao động bình thường, thợ săn, thậm chí cả những người từng bị coi là “hạ tiện”. Tất cả đều bình đẳng trước Giới luật và con đường giải thoát.

Hệ thống đẳng cấp Ấn Độ giáo thời đó coi người hạ tiện (Outcaste/Untouchable) là “bất tịnh”, ngay cả cái bóng của họ chạm vào người giai cấp trên cũng bị coi là ô uế. Việc đức Phật cho họ xuất gia, các vị vua chúa (như Pasenadi, Bimbisara) khi đến Tăng đoàn quỳ lạy một vị tỳ-kheo vốn trước đây là người gánh phân hay thợ cạo tóc (như ngài Upali) là một cuộc cách mạng xã hội chấn động lúc bấy giờ.

Vai trò phụ nữ trong phật giáo

Không chỉ xóa bỏ rào cản giai cấp, đức Phật còn mở ra con đường bình đẳng giới, một giá trị tiên phong trong thời đại lúc đó. Công chúa Yasodhara, vợ của Thái tử Siddhartha, sau khi xuất gia, đã chọn con đường tu tập và trở thành một Tỳ-kheo-ni lỗi lạc, minh chứng rằng phụ nữ cũng có thể đạt giác ngộ như nam giới. Tương tự, Tỳ-kheo-ni Mahaprajapati (**Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di)** (**Di-mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề -** dì và mẹ nuôi của Thái tử Siddhartha**)**, là người sáng lập Ni đoàn, mở ra cơ hội cho hàng ngàn phụ nữ thời bấy giờ nối bước con đường giải thoát[11]. Những câu chuyện này không chỉ khẳng định Phật tính bình đẳng trong mỗi con người, mà còn truyền cảm hứng cho xã hội hiện đại, nơi bình đẳng giới vẫn là một mục tiêu cần theo đuổi.

Đức Phật không chỉ dạy bằng lời. Tăng đoàn của đức Phật là cộng đồng đầu tiên trong lịch sử nhân loại nơi vua chúa, thương nhân, nông dân, và cả những người từng bị ruồng bỏ cùng ngồi chung, học chung, thực hành chung. Lời dạy *"Tất cả chúng sinh đều có phật tính"*[12] không phải là triết lý cao xa, mà là lời nhắc nhở rằng mỗi người, bất kể giàu nghèo, nam nữ, đều có khả năng tỉnh thức và sống ý nghĩa.

Trong thế giới hôm nay, khi bất bình đẳng vẫn còn hiện hữu dưới nhiều hình thức giàu nghèo, chủng tộc, giới tính... thông điệp ấy vẫn vang vọng, như ngọn gió mát lành thổi qua những tâm hồn khô cằn.

An lạc: Chìa khóa tỉnh thức cho mọi người

Sống trong hiện tại

Đức Phật không hứa hẹn thiên đường sau cái chết, mà chỉ cho nhân loại con đường an lạc ngay trong hiện tại. *Khác với nhiều tôn giáo khác, đức Phật không tự xưng là đấng sáng tạo hay cứu rỗi, mà là bậc thầy chỉ đường, mỗi người phải tự bước đi trên con đường giải thoát của chính mình.* Ngài dạy: *"Tham, sân, si là gốc của khổ đau. Muốn hết khổ, hãy buông bỏ"*[13]. Lời ấy không chỉ là lý thuyết. Khi vua Pasenadi (vua Ba-tư-nặc) của Kosala (Kiều-tát-la) đến gặp Đức Thế Tôn, than thở về sự bất an dù sở hữu cả vương quốc, đức Phật hỏi: *"Nhà vua có thấy niềm vui nào trong quyền lực kéo dài mãi không?"*. Vua lặng người, rồi được đức Phật hướng dẫn thực hành chính niệm quan sát hơi thở, sống trong từng khoảnh khắc[14]. Vua Pasenadi rời đi với tâm thái nhẹ nhàng hơn, hiểu rằng hạnh phúc không nằm ở vật ngoài thân, mà ở sự tĩnh lặng bên trong.

Đức Phật dạy rằng an lạc chân thật đến từ việc nhiếp phục tham, sân, si và tu tập Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Khi tâm rộng mở với tất cả chúng sinh, con người sẽ tìm thấy niềm vui sâu lắng ngay giữa đời thường.

Chính niệm trong cuộc sống hiện đại

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, áp lực công việc danh lợi, tiền bạc, cuộc sống gia đình và những nỗi lo vô hình, khiến con người dễ đánh mất chính mình, có bao giờ ta tự hỏi: Làm sao để lòng mình bình yên? Đức Phật đã chỉ ra một cách đơn giản: trở về với hơi thở. Một phút dừng lại để nhận biết cảm xúc, một hơi thở sâu để trở về với thực tại, có thể là liều thuốc quý xoa dịu tâm hồn giữa bộn bề cuộc sống. Bởi như lời đức Phật dạy: *"Hãy tự thắp đuốc lên mà đi,"* mỗi người đều có thể tìm thấy an lạc nơi chính mình mà không cần tìm kiếm nơi nào xa xôi.

Ngày nay, chúng ta có thể thực hành chính niệm chỉ với một vài ứng dụng thiền trên điện thoại, là chúng ta đã mang ánh sáng của đức Phật vào cuộc sống bận rộn này rồi. Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng nói: *"Hòa bình không chỉ là sự vắng bóng chiến tranh, mà là sự hiện diện của chính niệm và từ bi trong mỗi hành động"*[15].

Con đường ấy không dành riêng cho ai. Đức Phật từng nói với người dân làng Kalama: *"Đừng tin vì truyền thống, đừng tin vì ta nói, hãy tự kiểm chứng như thợ vàng thử vàng"*[16]. Lời mời gọi ấy giản dị nhưng sâu sắc: ai cũng có thể thử dừng lại, hít thở, quan sát tâm mình. Một lời nói tử tế hay một hành động từ bi nhỏ bé đều có thể làm lòng ta nhẹ nhàng hơn. Sự ra đời của đức Phật mang đến món quà ấy: mỗi người đều có chìa khóa để mở cánh cửa an lạc, không cần phép màu, chỉ cần tỉnh thức.

Vesak: Tầm nhìn hòa bình toàn cầu

Ý nghĩa văn hóa và nghệ thuật

Trong lịch sử Phật giáo, ba sự kiện trọng đại của đức Phật: **Đản sinh, Thành đạo và Niết-bàn** đều diễn ra vào ngày trăng tròn tháng Tư Âm lịch. Điều này không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà còn hàm chứa triết lý sâu sắc về tính vô thường và duyên khởi: mọi sự khởi đầu đều hàm chứa kết thúc, và trong cái kết lại ẩn chứa một sự tiếp nối.

Ngày Vesak vì thế không chỉ là dịp kỷ niệm, mà là lời nhắc nhở nhân loại về chu trình vô tận của sinh - diệt, khổ - vui, và khả năng vượt thoát của mỗi con người khi biết tỉnh thức.



(Ảnh: Internet)

Tại Việt Nam, những chiếc đèn hoa đăng lung linh trên sông trong đêm Vesak không chỉ là nghi lễ, mà còn là biểu tượng của ánh sáng trí tuệ xua tan bóng tối vô minh. Hình ảnh hoa sen, thường xuất hiện trong các tác phẩm nghệ thuật mô tả sự đản sinh của đức Phật tại Lumbini, mang ý nghĩa thanh tịnh, vượt lên trên những ô nhiễm của thế gian. Những nghi lễ thả đèn, âm nhạc Phật giáo, và các hoạt động cộng đồng trong ngày Vesak trên khắp thế giới là lời nhắc nhở về sự kết nối giữa con người và vũ trụ.

Giáo pháp đức Phật và các thách thức toàn cầu

Lời dạy "duyên khởi" của đức Phật: mọi thứ trong vũ trụ kết nối với nhau[17], là nền tảng cho các giải pháp đối với các vấn đề toàn cầu hôm nay. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, triết lý duyên khởi nhắc nhở rằng mỗi hành động tiết kiệm năng lượng hay bảo vệ môi trường đều góp phần vào sự hài hòa của vũ trụ. Các tổ chức Phật giáo quốc tế, như Quỹ Từ thiện Tzu Chi, đã triển khai các dự án tái chế và giáo dục môi trường, áp dụng giáo pháp đức Phật để xây dựng một thế giới bền vững[18]. Trong bối cảnh thế giới hôm nay đối mặt với chiến tranh, biến đổi khí hậu, và sự chia rẽ, Vesak không chỉ là ngày lễ, mà là lời nhắc nhở rằng hòa bình bắt đầu từ mỗi cá nhân. Sự ra đời của đức Phật là khởi nguồn của hy vọng: dù bóng tối có dày đặc, ánh sáng vẫn có thể được thắp lên từ những điều giản dị nhất. Đối với xung đột sắc tộc hay sức khỏe tâm lý, chính niệm và từ bi là chìa khóa để hàn gắn chia rẽ và chữa lành những vết thương tâm hồn.

Noi gương đức Phật: hành động từ hôm nay

Sự vĩ đại của đức Phật nằm ở chỗ Ngài là một con người đã vượt qua chính mình để trở thành bậc giác ngộ. Ngài từng nói: *"Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành"*. Không chỉ xuất gia mới là để noi gương đức Phật. Hãy thử ngồi yên 5 phút, cảm nhận hơi thở, tự hỏi: "Hôm nay, mình có thể làm gì để mang lại niềm vui cho mình và người khác?" Một nụ cười với người lạ, một lời cảm ơn chân thành, hay sự giúp đỡ người khi cần, đều là cách gieo mầm từ bi mà đức Phật đã dạy.

Thông điệp an lạc của đức Phật giúp chúng ta vượt qua khủng hoảng tinh thần; tinh thần bình đẳng giúp xóa bỏ phân biệt chủng tộc và giới tính; còn lòng từ bi là nền tảng để xây dựng hòa bình...

Mỗi người chúng ta, dù ở bất cứ vị trí nào, cũng có thể tiếp nối ánh sáng trí tuệ và từ bi của đức Phật bằng những hành động nhỏ bé: một lời nói lành, một việc làm giúp người khó khăn. Sự ra đời của đức Phật là ngọn đèn soi sáng con đường an lạc, bình đẳng và hòa bình. Mỗi bước chân chúng ta đi trong chính niệm, mỗi việc làm chúng ta thực hiện với lòng tử tế, chính là cách chúng ta giữ cho ngọn đèn Phật pháp luôn cháy sáng giữa đêm dài vô minh.

Cuộc đời đức Phật là tấm gương sống động: từ bỏ không phải là mất đi, mà là tìm thấy; tỉnh thức không phải là trốn đời, mà là sống trọn vẹn. Ngày Vesak, với sự công nhận của Liên Hợp Quốc, không chỉ là dịp kỷ niệm, mà là lời mời gọi nhân loại hướng đến một thế giới an lành hơn. Sự xuất hiện của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Giáo Pháp của Ngài là ngọn hải đăng vĩnh cửu, soi sáng cho chúng ta giữa đêm đen của khổ đau và chia rẽ.

Trong thời đại đầy biến động hôm nay, thông điệp của đức Phật càng trở nên cấp thiết. An lạc bắt đầu từ việc quay về với chính mình. Bình đẳng xuất phát từ sự tôn trọng nhau. Hòa bình được xây dựng bằng từng hành động từ bi cụ thể. Mỗi bước chân chúng ta đi trong chính niệm, mỗi việc làm chúng ta thực hiện với lòng tử tế, chính là cách chúng ta tiếp nối ánh sáng An lạc, Bình đẳng, Từ bi của đức Phật.

Hơn 25 thế kỷ đã trôi qua kể từ khi giáo pháp của Đức Thế Tôn soi sáng giữa thế giới còn nhiều bất an và chia rẽ, thông điệp An lạc - Bình đẳng - Hòa bình mà Ngài mang đến vẫn là con đường cần thiết cho nhân loại hôm nay và ở mọi thời đại.

Tác giả: **Thích Chúc Xuân**

***

Chú thích:

[1] Nghị quyết Đại hội đồng Liên Hợp Quốc 54/115, thông qua ngày 15/12/1999, Lưu trữ Liên Hợp Quốc.

[2] Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bản dịch HT Thích Trí Tịnh, 1998, Phẩm 2 (Phương Tiện). Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

[3] Thuyết 29 tuổi (Được số đông và giới khoa học công nhận), Nguồn gốc: Theo truyền thống Nam truyền (Phật giáo Nguyên thủy/Theravada) và một số kinh điển Bắc truyền (như Kinh Phật Bản Hạnh Tập hay Kinh Phật Thuyết Thập Nhị Du thuộc Hán tạng).

[4] Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya), bản dịch Thích Minh Châu, 1993, Phần V (Đại Phẩm), Chương 46 (Tương Ưng Bảy Yếu Tố Giác Ngộ), trang 123-125, Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội.

[5] Kinh Tiểu Bộ, Apadāna, Trưởng Lão Ni Ký Sự, Phẩm Khattiyā, bài Yasodharātherī-apadāna (bản dịch của Tỳ-khưu Indacanda). D. Trưởng Lão Ni Ký Sự - Thư Viện Hoa Sen.

[6] Trung Bộ Kinh (*Majjhima Nikāya*): Kinh Đại Saccaka (số 36) và Đại Kinh Sư Tử Hống (số 12).

[7] Trung đạo: Con đường cân bằng, tránh xa hai thái cực cực đoan là hưởng thụ dục vọng và tu hành khổ hạnh.

[8] Tạng Luật, Đại Phẩm (Mahavagga), Chương I: Đại Kiền Độ, Tụng phẩm thứ tư, mục [56]-[58]

[9] Tích về Sunita (người gánh phân) được trích từ bộ Trưởng Lão Tăng Kệ (Theragatha) thuộc Tiểu Bộ Kinh, Chương XII Phẩm Mười Hai Kệ, kệ từ số 620 đến 631

[10] Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikaya), số 86: Kinh Angulimala (Angulimala Sutta), bản dịch Thích Minh Châu, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội, 2000.

[11] Kệ Trưởng Lão Ni (Therīgāthā) thuộc Tiểu Bộ Kinh, Phẩm Sáu - Tập Sáu Kệ

[12] Kinh Đại Bát Niết Bàn, Quyển thứ 7, Phẩm Như Lai Tạng

[13] Lời Dạy Của Đức Phật Về Khổ Đau Và Hạnh Phúc

[14] Tương Ưng Bộ Kinh - Chương 3: Tương Ưng Kosala

[15] An Lạc Từng Bước Chân – Thư Viện Hoa Sen, trang 73.

[16] *Kinh Tăng Chi Bộ: Tập I,* Chương Ba Pháp, Phẩm Lớn, Kinh Kālāma, HT. Thích Minh Châu dịch.

[17] Giáo Lý Duyên Khởi (Paṭiccasamuppāda)

[18] Quỹ Từ thiện Tzu Chi, Báo cáo thường niên 2023, Phần Bảo vệ môi trường, trang 22-25.